

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy  
theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội**

**HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC DƯỢC HÀ NỘI**

Căn cứ Quyết định số 828/BYT-QĐ ngày 29/9/1961 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc thành lập Trường Đại học Dược Hà Nội;

Căn cứ Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ ban hành theo Quyết định số 17/VBHN-BGDDT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các quy định của Trường Đại học Dược Hà Nội trước đây trái với Quy định này đều bị bãi bỏ.

**Điều 3.** Trưởng các phòng ban, đơn vị, bộ môn và sinh viên của Trường Đại học Dược Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

*Noi nhận:*

- Như Điều 3;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH, QL, ĐH**



**Nguyễn Thanh Bình**

**QUY ĐỊNH**  
**Đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy**  
**theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 880/QĐ-DHN ngày 26/10/2017 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Dược Hà Nội)

**Chương I**  
**NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Dược Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) bao gồm: tổ chức đào tạo; kiểm tra và thi hết học phần; xét và công nhận tốt nghiệp của Trường.

2. Quy định này áp dụng đối với sinh viên các khoá đào tạo hệ chính quy ở trình độ đại học và cao đẳng trong Trường thực hiện theo hình thức tích luỹ tín chỉ.

**Điều 2. Chương trình đào tạo, đề cương chi tiết học phần**

1. Chương trình đào tạo (sau đây gọi tắt là chương trình) cần thể hiện rõ: trình độ đào tạo; đối tượng đào tạo, điều kiện nhập học và điều kiện tốt nghiệp; mục tiêu đào tạo, chuẩn kiến thức, kỹ năng của người học khi tốt nghiệp; khối lượng kiến thức lý thuyết, thực hành, thực tập; kế hoạch đào tạo theo thời gian thiết kế; phương pháp và hình thức đào tạo; cách thức đánh giá kết quả học tập; các điều kiện thực hiện chương trình.

2. Mỗi chương trình được cấu trúc từ các học phần thuộc hai khối kiến thức: giáo dục đại cương và giáo dục chuyên nghiệp.

3. Đề cương chi tiết của từng học phần thể hiện rõ số lượng tín chỉ, điều kiện tiên quyết (nếu có), mục tiêu môn học, mô tả học phần, nội dung lý thuyết, thực hành và điều kiện phục vụ thực hành, cách thức đánh giá học phần, giáo trình, tài liệu tham khảo. Đề cương được định kỳ rà soát khi thực hiện chương trình đủ cho một khóa học nhưng cũng có thể được điều chỉnh theo từng năm học nếu cần thiết và được Hiệu trưởng phê duyệt trước khi vào năm học.

4. Hiệu trưởng ban hành chương trình đào tạo, với khối lượng của mỗi chương trình không dưới 150 tín chỉ đối với khoá đại học 5 năm; 120 tín chỉ đối với khoá đại

học 4 năm; 90 tín chỉ đối với khoá cao đẳng 3 năm.

Chương trình đào tạo trình độ đại học được thiết kế trong đó có khoảng 85% khối kiến thức bắt buộc, khoảng 15% khối kiến thức thiết kế tự chọn theo định hướng chuyên ngành. Sau khi học xong kiến thức cơ sở ngành, sinh viên chọn một trong các định hướng chuyên ngành và phải hoàn thành khối kiến thức định hướng chuyên ngành đã chọn.

### **Điều 3. Học phần và Tín chỉ**

1. Học phần là khối lượng kiến thức tương đương đối trọng vẹn, thuận tiện cho sinh viên tích luỹ trong quá trình học tập. Phần lớn các học phần có khối lượng từ 2 đến 4 tín chỉ, nội dung được bố trí giảng dạy trọn vẹn trong một học kỳ. Kiến thức trong mỗi học phần gắn với một mức trình độ theo năm học thiết kế và được kết cấu riêng như một phần của môn học hoặc được kết cấu dưới dạng tổ hợp từ nhiều môn học. Mỗi học phần có một mã số riêng thống nhất trong toàn Trường.

#### **2. Các loại học phần**

a) Học phần bắt buộc là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy;

b) Học phần tự chọn là học phần chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của Trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn để tích luỹ đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.

3. Tín chỉ được sử dụng để tính khối lượng học tập của sinh viên. Một tín chỉ được quy định bằng 15 tiết học lý thuyết; 30 - 45 tiết thực hành, thực tập hoặc thảo luận; 45 - 90 giờ thực tập tại cơ sở; 45 - 60 giờ làm tiểu luận, bài tập lớn, khoá luận tốt nghiệp. Chương trình đào tạo được xây dựng quy đổi từ đơn vị học trình, 1 tín chỉ tương ứng với 1,5 đơn vị học trình.

Đối với những học phần lý thuyết hoặc thực hành, thực tập, để tiếp thu được một tín chỉ sinh viên phải dành ít nhất 30 giờ chuẩn bị cá nhân.

4. Hiệu trưởng quy định việc tính số giờ giảng dạy của giảng viên cho các học phần trên cơ sở số giờ giảng dạy trên lớp, số giờ thực hành, thực tập, số giờ chuẩn bị khối lượng tự học cho sinh viên, đánh giá kết quả tự học của sinh viên và số giờ tiếp xúc sinh viên ngoài giờ lên lớp.

5. Một tiết học được tính bằng 45 phút.

### **Điều 4. Thời gian hoạt động giảng dạy**

1. Thời gian hoạt động đào tạo của Trường được tính từ 6 giờ 00 phút đến 21 giờ 30 phút hằng ngày.

2. Tuỳ theo số lượng sinh viên, số lớp học cần tổ chức và điều kiện cơ sở vật chất của Trường, Phòng Đào tạo sắp xếp tiến trình, thời khóa biểu cho các lớp.

#### **Điều 5. Đánh giá kết quả học tập**

1. Kết quả học tập của sinh viên được đánh giá sau khi kết thúc học kỳ, năm học.

2. Các tiêu chí đánh giá kết quả học tập:

a) Số tín chỉ của các học phần mà Trường đã bố trí và sinh viên đăng ký học vào mỗi học kỳ/năm học (gọi tắt là khối lượng học tập đăng ký);

b) Điểm trung bình chung học kỳ/năm học là điểm trung bình có trọng số của các học phần mà Trường bố trí và sinh viên đăng ký học trong học kỳ/năm học đó, với trọng số là số tín chỉ tương ứng của từng học phần;

c) Khối lượng kiến thức tích lũy là khối lượng tính bằng tổng số tín chỉ của những học phần đã được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D tính từ đầu khóa học;

d) Điểm trung bình chung tích lũy là điểm trung bình của các học phần và được đánh giá bằng các điểm chữ A, B, C, D mà sinh viên đã tích lũy được, tính từ đầu khóa học cho tới thời điểm được xem xét khi kết thúc học kỳ/năm học.

## **Chương II**

### **TỔ CHỨC ĐÀO TẠO**

#### **Điều 6. Thời gian và kế hoạch đào tạo**

1. Trường tổ chức đào tạo theo khoá học, năm học và học kỳ.

a) Khoá học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một chương trình cụ thể. Tuỳ thuộc chương trình, thời gian khoá học và thời gian tối đa hoàn thành chương trình được quy định tại Bảng 1.

**Bảng 1. Thời gian đào tạo**

Chương trình	Thời gian khoá học (năm học)	Thời gian tối đa (năm học)	Thời gian tối đa đối với đối tượng ưu tiên <sup>(*)</sup> (năm học)
Cao đẳng chính quy	3	5	6
Đại học chính quy	5	8	10
Đại học liên thông từ cao đẳng	2,5	4	5

Chương trình	Thời gian khóa học (năm học)	Thời gian tối đa (năm học)	Thời gian tối đa đối với đối tượng ưu tiên <sup>(*)</sup> (năm học)
Đại học liên thông từ trung cấp	4	6	8
Đại học văn bằng hai	3	5	6

*Ghi chú: <sup>(\*)</sup> là đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định hiện hành.*

b) Một năm học có hai học kỳ chính, mỗi học kỳ có ít nhất 15 tuần thực học và 3 tuần thi.

2. Căn cứ vào khối lượng và nội dung kiến thức quy định cho các chương trình, Hiệu trưởng dự kiến phân bổ số học phần cho từng năm học, từng học kỳ.

#### **Điều 7. Đăng ký nhập học**

1. Khi đăng ký nhập học sinh viên phải nộp các giấy tờ theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành. Tất cả giấy tờ khi sinh viên nhập học phải được xếp vào túi hồ sơ của từng cá nhân và được quản lý tại Phòng Quản lý sinh viên.

2. Hiệu trưởng ký công nhận danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học. Sau khi nhập học, sinh viên được Trường cấp:

a) Thẻ sinh viên;

b) Cuốn “Những điều cần biết đối với sinh viên”.

3. Mọi thủ tục đăng ký nhập học phải được hoàn thành trong thời hạn theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy hiện hành.

4. Sinh viên nhập học được Trường cung cấp đầy đủ các thông tin về mục tiêu, nội dung và kế hoạch học tập của các chương trình, quy định về đào tạo, nghĩa vụ và quyền lợi của sinh viên.

#### **Điều 8. Sắp xếp sinh viên vào học**

Căn cứ vào danh sách thí sinh trúng tuyển nhập học và tình hình thực tế, Trường quyết định sắp xếp sinh viên vào các lớp, tổ. Số lượng sinh viên tối thiểu của 1 lớp là 30 sinh viên, số lượng sinh viên tối đa của mỗi tổ là 14 sinh viên. Trường hợp đặc biệt do Hiệu trưởng quyết định.

#### **Điều 9. Tổ chức lớp học**

1. Lớp học được tổ chức theo từng học phần dựa vào đăng ký học của sinh viên ở từng học kỳ.

2. Đối với các học phần bắt buộc, Phòng Đào tạo chịu trách nhiệm sắp xếp sinh viên của lớp hành chính và các sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện điểm vào lớp.

3. Số lượng sinh viên tối đa cho mỗi lớp học phần được Trường quy định phù hợp theo từng học kỳ, năm học. Nếu số lượng sinh viên đăng ký thấp hơn số lượng tối thiểu quy định thì lớp học phần sẽ không được tổ chức và sinh viên phải đăng ký chuyển sang học những học phần khác có lớp để đảm bảo đủ quy định về khối lượng học tập đối với sinh viên.

#### **Điều 10. Đăng ký khối lượng học tập**

1. Đầu mỗi năm học, Trường thông báo lịch trình học dự kiến cho từng chương trình trong từng học kỳ, danh sách các học phần bắt buộc và tự chọn dự kiến sẽ dạy, đề cương chi tiết, hình thức kiểm tra và thi đối với các học phần.

2. Căn cứ vào kế hoạch của Trường, khả năng và điều kiện học tập, các sinh viên phải đăng ký các học phần tự chọn, học lại, học cải thiện với Phòng Đào tạo.

3. Khối lượng học tập tối thiểu của sinh viên phải đăng ký ở mỗi học kỳ được Trường quy định trong kế hoạch học tập của học kỳ đó.

4. Sinh viên đang trong thời gian cảnh báo kết quả học tập hoặc đang trong thời gian nghỉ học tạm thời, chỉ được đăng ký học lại, học cải thiện hoặc đăng ký học trước một số học phần nếu được Cố vấn học tập chấp thuận.

5. Việc đăng ký các học phần phải bảo đảm điều kiện tiên quyết của từng học phần và trình tự học tập của mỗi chương trình cụ thể.

6. Các học phần tự chọn, đăng ký học lại, học cải thiện chỉ được chấp nhận khi đã có chữ ký xác nhận của Cố vấn học tập và phải được ghi vào phiếu đăng ký học lưu giữ tại Phòng Đào tạo.

#### **Điều 11. Rút bớt học phần đã đăng ký**

1. Việc rút bớt học phần học lại, học cải thiện hoặc học phần đăng ký học trước của sinh viên đang thuộc diện cảnh báo kết quả học tập được thực hiện sau 2 tuần và tối đa sau 4 tuần kể từ đầu học kỳ. Quá thời hạn này, Trường áp dụng như học phần đã đăng ký.

2. Điều kiện sinh viên được rút các học phần đã đăng ký:

- a) Sinh viên phải tự viết đơn gửi Phòng Đào tạo;
- b) Được Cố vấn học tập đồng ý;
- c) Được Phòng Đào tạo chấp thuận.

#### **Điều 12. Đăng ký học lại, học cải thiện, thi cải thiện**

1. Sinh viên có học phần bắt buộc bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó ở các học kỳ tiếp theo cho đến khi học phần có điểm A, B, C hoặc D.
2. Sinh viên có học phần tự chọn bị điểm F phải đăng ký học lại học phần đó hoặc học đổi sang học phần tự chọn tương đương khác nếu có.
3. Với các học phần đạt điểm D, sinh viên được quyền đăng ký học cải thiện hoặc đăng ký thi cải thiện điểm trung bình chung học tập.
4. Sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện được phép bảo lưu điểm thành phần đã tích lũy ở các kỳ trước và đăng ký kiểm tra cải thiện điểm thành phần.
5. Sinh viên đăng ký học lại, học cải thiện, đăng ký thi cải thiện đóng lệ phí theo quy định của Trường.
6. Sinh viên đăng ký thi cải thiện chỉ được phép tham gia thi hết học phần. Các điểm thành phần được bảo lưu để tính điểm học phần.

### **Điều 13. Nghỉ học**

1. Sinh viên xin nghỉ ốm trong quá trình học phải có đơn xin phép gửi Phòng Quản lý sinh viên trong vòng một tuần kể từ ngày ốm, khi đi học lại phải hoàn thành các thủ tục chứng nhận của cơ sở y tế nơi sinh viên khám bệnh, chữa bệnh.
2. Các trường hợp được Trường, Đoàn TNCS Hồ Chí Minh hoặc Hội Sinh viên Trường cử đi thực hiện nhiệm vụ, sinh viên phải báo cáo cho Phòng Quản lý sinh viên kèm theo giấy xác nhận được điều động đi làm nhiệm vụ.
3. Trường hợp bố (mẹ) đẻ, bô (mẹ) vợ/chồng, vợ/chồng, anh/chị/em ruột, con ruột bị ốm nặng hoặc chết; gia đình gặp thiên tai, lũ lụt; các lý do đặc biệt khác, sinh viên phải có đơn xin phép và gửi cho Phòng Quản lý sinh viên xem xét giải quyết. Việc nghỉ học của sinh viên được coi là có lý do khi được sự đồng ý bằng văn bản của Phòng Quản lý sinh viên.
4. Ngoài các trường hợp trên, sinh viên nghỉ học được coi là nghỉ học không xin phép và bị xử lí theo các quy định hiện hành.

### **Điều 14. Xếp hạng năm đào tạo và học lực**

1. Khối lượng kiến thức tích lũy để xếp hạng năm đào tạo của sinh viên hệ đại học chính quy được quy định như sau:
  - a) Sinh viên năm thứ nhất: khối lượng kiến thức tích lũy dưới 29 tín chỉ;
  - b) Sinh viên năm thứ hai: khối lượng kiến thức tích lũy từ 29 tín chỉ đến dưới 69 tín chỉ;

- c) Sinh viên năm thứ ba: khối lượng kiến thức tích lũy từ 69 tín chỉ đến dưới 101 tín chỉ;
- d) Sinh viên năm thứ tư: khối lượng kiến thức tích lũy từ 101 tín chỉ đến dưới 136 tín chỉ;
- đ) Sinh viên năm thứ năm: khối lượng kiến thức tích lũy từ 136 tín chỉ trở lên.

2. Đối với sinh viên hệ đại học liên thông, đại học văn bằng hai và cao đẳng chính quy, Trường sẽ căn cứ vào khối lượng học tập phân bô hàng năm để xếp hạng năm đào tạo.

2. Sau mỗi năm học, căn cứ vào điểm trung bình chung tích lũy, sinh viên được xếp hạng về học lực như sau:

- a) Hạng bình thường: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt từ 2,00 trở lên.
  - b) Hạng yếu: Nếu điểm trung bình chung tích lũy đạt dưới 2,00, nhưng chưa rơi vào trường hợp bị buộc thôi học.
3. Kết quả học tập các học phần học lại, học cải thiện được gộp vào kết quả học tập trong năm học chính để xếp hạng sinh viên về học lực.

### **Điều 15. Nghỉ học tạm thời**

1. Sinh viên được quyền viết đơn gửi Hiệu trưởng xin nghỉ học tạm thời và bảo lưu kết quả đã học trong các trường hợp sau:

- a) Được điều động vào lực lượng vũ trang;
- b) Bị ốm hoặc tai nạn phải điều trị thời gian dài, có giấy xác nhận của cơ quan y tế;
- c) Vì nhu cầu cá nhân. Trường hợp này, sinh viên phải học ít nhất một học kỳ ở Trường, không rơi vào các trường hợp bị buộc thôi học quy định tại Khoản 2 Điều 16 của Quy định này và phải đạt điểm trung bình chung học tập không dưới 2,00. Thời gian nghỉ học tạm thời vì nhu cầu cá nhân được tính vào thời gian học chính thức quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

2. Sinh viên nghỉ học tạm thời, khi muốn trở lại học tiếp tại Trường, phải viết đơn gửi Phòng Quản lý sinh viên trình Hiệu trưởng phê duyệt ít nhất hai tuần trước khi bắt đầu học kỳ mới.

### **Điều 16. Cảnh báo kết quả học tập, buộc thôi học**

1. Cảnh báo kết quả học tập được thực hiện theo từng năm học, nhằm giúp cho sinh viên có kết quả học tập kém biết và lập phương án học tập thích hợp để có thể tốt

nghiệp trong thời hạn tối đa được phép theo học chương trình. Sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập nếu kết quả học tập thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Điểm trung bình chung tích luỹ đạt dưới 1,20 đối với sinh viên năm thứ nhất, dưới 1,40 đối với sinh viên năm thứ hai, dưới 1,60 đối với sinh viên năm thứ ba hoặc dưới 1,80 đối với sinh viên các năm tiếp theo và cuối khoá;

b) Điểm trung bình chung năm học đạt dưới 0,80 đối với năm học đầu của khóa học, dưới 1,00 đối với các năm học tiếp theo;

c) Tổng số tín chỉ của các học phần bị điểm F còn tồn đọng tính từ đầu khoá học đến thời điểm xét vượt quá 24 tín chỉ.

d) Số lần cảnh báo kết quả học tập tối đa đối với sinh viên đại học chính quy là 3 lần nhưng không vượt quá 2 lần liên tiếp; đối với sinh viên đại học liên thông (từ trung cấp, cao đẳng), đại học văn bằng hai và cao đẳng chính quy không vượt quá 2 lần.

2. Sau mỗi năm học, sinh viên bị buộc thôi học nếu thuộc một trong những trường hợp sau đây:

a) Có số lần cảnh báo kết quả học tập vượt quá giới hạn theo quy định tại Điều d Khoản 1 của Điều này;

b) Vượt quá thời gian tối đa được phép học tại trường quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 6 của Quy định này.

3. Trường hợp sinh viên đại học chính quy thuộc diện bị buộc thôi học quy định tại Khoản 2 của Điều này có thể được xem xét chuyển xuống học cao đẳng chính quy của Trường (nếu có) và được bảo lưu một phần kết quả học tập ở chương trình đào tạo đại học. Hiệu trưởng xem xét quyết định cho bảo lưu kết quả học tập đối với từng trường hợp cụ thể.

4. Chậm nhất một tháng sau khi có quyết định buộc thôi học, Phòng Quản lý sinh viên phải có thông báo trả về địa phương nơi sinh viên có hộ khẩu thường trú.

5. Các trường hợp đặc biệt liên quan đến sinh viên nước ngoài, sinh viên diện cử tuyển, sinh viên thuộc diện ưu tiên trong tuyển sinh, Hiệu trưởng xem xét, quyết định.

## **Điều 17. Học cùng lúc hai chương trình**

1. Học cùng lúc hai chương trình dành cho sinh viên có đủ điều kiện theo quy định tại khoản 2 Điều này và có nhu cầu đăng ký học thêm một chương trình thứ hai để khi tốt nghiệp được cấp hai văn bằng.

2. Điều kiện để học cùng lúc hai chương trình:

a) Ngành đào tạo chính ở chương trình thứ hai phải khác ngành đào tạo chính ở chương trình thứ nhất;

b) Sau khi đã kết thúc học kỳ thứ nhất năm học đầu tiên của chương trình thứ nhất và sinh viên không thuộc diện xếp hạng học lực yếu;

c) Trong quá trình sinh viên học cùng lúc hai chương trình, nếu điểm trung bình chung học kỳ đạt dưới 2,00 thì phải dừng học thêm chương trình thứ hai ở học kỳ tiếp theo.

3. Thời gian tối đa được phép học đổi với sinh viên học cùng lúc hai chương trình là thời gian tối đa quy định cho chương trình thứ nhất, quy định tại Điều a Khoản 1 Điều 6 của Quy định này. Khi học chương trình thứ hai, sinh viên được bảo lưu điểm của những học phần có nội dung và khối lượng kiến thức tương đương có trong chương trình thứ nhất.

4. Sinh viên chỉ được xét tốt nghiệp chương trình thứ hai, nếu có đủ điều kiện tốt nghiệp ở chương trình thứ nhất.

### **Điều 18. Chuyển trường**

1. Sinh viên được xét chuyển trường nếu có các điều kiện sau đây:

a) Trong thời gian học tập, nếu gia đình chuyển nơi cư trú hoặc sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cần thiết phải chuyển đến trường gần nơi cư trú của gia đình để thuận lợi trong học tập;

b) Xin chuyển đến trường có cùng ngành hoặc thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo mà sinh viên đang học;

c) Được sự đồng ý của Hiệu trưởng trường xin chuyển đi và trường xin chuyển đến;

d) Không thuộc một trong các trường hợp không được phép chuyển trường quy định tại Khoản 2 Điều này.

2. Sinh viên không được phép chuyển trường trong các trường hợp sau:

a) Sinh viên đã tham dự kỳ thi tuyển sinh theo đề thi chung, nhưng không trúng tuyển vào trường hoặc có kết quả thi thấp hơn điểm trúng tuyển của trường xin chuyển đến;

b) Sinh viên thuộc diện nằm ngoài vùng tuyển quy định của trường xin chuyển đến;

c) Sinh viên năm thứ nhất và năm cuối khóa;

d) Sinh viên đang trong thời gian bị kỷ luật từ cảnh cáo trở lên.

3. Thủ tục chuyển trường:

- a) Sinh viên xin chuyển trường phải làm hồ sơ xin chuyển trường theo quy định;
- b) Hiệu trưởng quyết định tiếp nhận hoặc không tiếp nhận; quyết định việc học tập tiếp tục của sinh viên, công nhận các học phần mà sinh viên chuyển đến được chuyển đổi kết quả và số học phần phải học bổ sung, trên cơ sở so sánh với chương trình ở trường sinh viên xin chuyển đi.

### Chương III

### KIỂM TRA VÀ THI HỌC PHẦN

#### **Điều 19. Đánh giá học phần**

1. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành

- a) Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận, bao gồm: điểm kiểm tra thường xuyên trong quá trình học tập, điểm đánh giá nhận thức và thái độ tham gia thảo luận, điểm đánh giá phần thực hành, điểm chuyên cần, điểm thi giữa học phần, điểm tiểu luận và điểm thi kết thúc học phần, trong đó điểm thi kết thúc học phần là bắt buộc cho mọi trường hợp và có trọng số không dưới 50%. Trọng số các điểm thành phần được quy định cụ thể tại Bảng 2.

**Bảng 2. Trọng số các thành phần điểm**

Loại điểm	Học phần cả lý thuyết và thực tập	Học phần chỉ có lý thuyết
Điểm kiểm tra thường xuyên, điểm thảo luận, điểm tiểu luận, điểm chuyên cần	$\leq 30\%$	$\leq 50\%$
Điểm thực tập	$\leq 30\%$	0%
Điểm thi kết thúc học phần	$\geq 50\%$	$\geq 50\%$

- b) Việc lựa chọn các hình thức đánh giá bộ phận và trọng số của các điểm đánh giá bộ phận cũng như cách tính điểm tổng hợp đánh giá học phần do bộ môn đề xuất trong chương trình chi tiết của học phần được Hiệu trưởng phê duyệt.

2. Đối với các học phần thực tập

- a) Số bài lấy điểm để đánh giá học phần thực tập do bộ môn quyết định và thông báo cho sinh viên biết trước khi tổ chức giảng dạy;
- b) Các bài thực tập không tính vào điểm phần thực tập thì được đánh giá là đạt hoặc không đạt. Các bài thực tập đánh giá bằng điểm đạt nếu điểm lớn hơn hoặc bằng 4,0;

c) Thực tập được coi là đạt nếu sinh viên tham dự đầy đủ các bài thực tập và các bài thực tập phải đạt;

d) Mỗi bài thực tập chỉ được tổ chức tối đa 2 lần, lần 1 cho tất cả sinh viên, lần 2 (thực tập lại) cho các sinh viên có bài thực tập lần 1 không đạt;

d) Sinh viên thiếu bài thực tập nào sẽ bị đánh giá bài thực tập đó bị điểm 0 hoặc không đạt (đối với bài thực tập không lấy điểm).

Trường hợp sinh viên nghỉ buổi thực tập lần 1 phải thực tập bù nhưng thực tập bù không đạt, tùy điều kiện bộ môn có thể sắp xếp thực tập lần 2 cho sinh viên.

e) Điểm kết thúc phần thực tập được tính bằng trung bình cộng của các bài thực tập có lấy điểm;

g) Đối với học phần có nội dung thực tập, kết thúc phần thực tập nếu sinh viên thiếu bài thực tập hoặc có bài thực tập đã thực tập lại không đạt thì sinh viên không được dự thi kết thúc học phần và điểm thi kết thúc học phần là 0 điểm. Sinh viên phải đăng ký học lại học phần này ở các kỳ tiếp theo.

3. Giảng viên phụ trách học phần trực tiếp ra đề thi, đề kiểm tra và cho điểm đánh giá bộ phận, trừ bài thi kết thúc học phần.

4. Sinh viên đã có kết quả học tập, chứng chỉ môn học tương đương với học phần phải tích lũy, có đơn đề nghị có thể được Trường xem xét miễn học và công nhận điểm tương đương học phần đã tích lũy trước đó.

#### **Điều 20. Tổ chức kỳ thi kết thúc học phần**

1. Cuối mỗi học kỳ, Trường tổ chức một kỳ thi chính và một kỳ thi phụ để thi kết thúc học phần. Kỳ thi phụ được tổ chức sau kỳ thi chính ba tuần và dành cho những sinh viên:

- a) Sinh viên đủ điều kiện dự thi nhưng không tham dự kỳ thi chính;
- b) Sinh viên có học phần bị điểm F ở kỳ thi chính;
- c) Sinh viên đăng ký thi cải thiện điểm.

2. Thời gian dành cho ôn thi mỗi học phần tỷ lệ thuận với số tín chỉ của học phần đó, ít nhất là 2/3 ngày cho một tín chỉ. Phòng Đào tạo thông báo cụ thể thời gian dành cho ôn thi và thời gian thi cho các kỳ thi chính trước 15 ngày.

- 3. Sinh viên phải đăng ký và nộp lệ phí tham gia kỳ thi phụ theo quy định.

#### **Điều 21. Ra đề thi, hình thức thi, chấm thi và số lần được dự thi kết thúc học phần**

1. Đề thi kết thúc học phần phải phù hợp với nội dung học phần đã quy định trong chương trình. Việc ra đề thi được thực hiện theo Quy trình ra đề thi kết thúc học phần được Trường quy định.

2. Hình thức thi kết thúc học phần có thể là trắc nghiệm hoặc tự luận, vấn đáp, viết tiểu luận hoặc kết hợp giữa các hình thức trên cho từng học phần theo đề cương chi tiết đã được phê duyệt.

3. Trừ hình thức thi trắc nghiệm trên máy, việc chấm thi kết thúc các học phần thực hiện theo quy trình do Trường quy định.

Việc bảo quản các bài thi, quy trình chấm thi, thời gian lưu trữ các bài thi sau khi chấm được thực hiện theo các quy định hiện hành của Trường.

4. Thi vấn đáp kết thúc học phần phải do hai giảng viên thực hiện. Điểm thi vấn đáp được công bố công khai sau mỗi buổi thi. Trong trường hợp hai giảng viên chấm thi không thống nhất được điểm chấm thi thì các giảng viên chấm thi trình trưởng bộ môn quyết định.

5. Các điểm thi kết thúc học phần và điểm học phần phải ghi vào bảng điểm theo mẫu thống nhất của Trường, có chữ ký của cán bộ chấm thi, giáo vụ bộ môn, trưởng bộ môn và làm thành hai bản. Một bản lưu tại bộ môn, một bản gửi về Phòng Đào tạo của Trường, chậm nhất 10 ngày làm việc sau khi thi đối với học phần thi theo hình thức tự luận và chậm nhất 3 ngày làm việc sau khi kết thúc thi đối với học phần thi theo hình thức trắc nghiệm.

6. Sinh viên vắng mặt trong kỳ thi kết thúc học phần, nếu không hoàn thành thủ tục hoãn thi coi như đã dự thi một lần và phải nhận điểm thi học phần 0 điểm.

7. Sinh viên thuộc trường hợp quy định tại Khoản 1, 2, 3 Điều 13 có đơn xin hoãn thi gửi Phòng Đào tạo, có thể được Trường cho hoãn thi tại kỳ thi chính. Trong trường hợp được hoãn thi và đăng ký dự thi tại kỳ thi phụ ngay sau đó, sinh viên không phải đóng lệ phí thi và điểm thi kết thúc học phần được coi là điểm thi lần đầu.

## **Điều 22. Cách tính điểm đánh giá bộ phận, điểm học phần**

1. Điểm thành phần và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân.

2. Điểm học phần là trung bình có trọng số của tất cả các điểm thành phần của học phần với trọng số tương ứng, điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được chuyển thành điểm chữ theo quy định tại Bảng 3.

Bảng 3. Thang điểm học phần

Điểm học phần thang điểm 10	Điểm chữ	Điểm số thang điểm 4 quy đổi từ thang điểm chữ
8,5 – 10	A	4,00
8,1 - 8,4	B1	3,75
7,7 - 8,0	B2	3,50
7,3 - 7,6	B3	3,25
7,0 - 7,2	B4	3,00
6,6 - 6,9	C1	2,75
6,2 - 6,5	C2	2,50
5,8 - 6,1	C3	2,25
5,5 - 5,7	C4	2,00
5,1 - 5,4	D1	1,75
4,7 - 5,0	D2	1,50
4,3 - 4,6	D3	1,25
4,0 - 4,2	D4	1,00
2,1 – 3,9	F1	0,50
0 – 2,0	F2	0

Đối với những học phần chưa đủ cơ sở để đưa vào tính điểm trung bình chung học kỳ/năm học, khi xếp mức đánh giá được sử dụng các kí hiệu sau:

I: Chưa đủ dữ liệu đánh giá.

X: Chưa nhận được kết quả thi.

Đối với những học phần được Trường cho phép chuyển điểm, khi xếp mức đánh giá được sử dụng kí hiệu R viết kèm với kết quả.

3. Việc xếp loại các mức điểm A, B, C, D, F được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Đối với những học phần mà sinh viên đã có đủ điểm đánh giá bộ phận, kể cả trường hợp bỏ học, bỏ kiểm tra hoặc bỏ thi không có lý do phải nhận điểm 0;

b) Chuyển đổi từ mức điểm I qua, sau khi đã có các kết quả đánh giá bộ phận mà trước đó sinh viên được giảng viên cho phép nợ;

c) Chuyển đổi từ các trường hợp X qua.

4. Việc xếp loại theo mức điểm I được áp dụng cho các trường hợp sau đây:

a) Trong thời gian học hoặc trong thời gian thi kết thúc học kỳ, sinh viên bị ốm hoặc tai nạn không thể dự kiểm tra hoặc thi, nhưng phải được Phòng Đào tạo đồng ý;

b) Sinh viên không thể dự kiểm tra bộ phận hoặc thi vì những lý do khách quan, được Phòng Đào tạo đồng ý.

Trước khi bắt đầu học kỳ mới kế tiếp, sinh viên nhận mức điểm I phải trả xong các nội dung kiểm tra bộ phận còn nợ để được chuyển điểm. Trường hợp sinh viên chưa trả nợ và chưa chuyển điểm nhưng không rơi vào trường hợp bị buộc thôi học thì vẫn được học tiếp ở các học kỳ kế tiếp.

5. Việc xếp loại theo mức điểm X được áp dụng đối với những học phần mà Phòng Đào tạo chưa nhận được báo cáo kết quả học tập của sinh viên từ bộ môn chuyển lên.

6. Ký hiệu R được áp dụng cho các trường hợp sau:

a) Điểm học phần được đánh giá ở các mức điểm A, B, C, D trong đợt đánh giá đầu học kỳ (nếu có) đối với một số học phần được phép thi sớm để giúp sinh viên học vượt;

b) Những học phần được công nhận kết quả, khi sinh viên chuyển từ trường khác đến hoặc chuyển đổi giữa các chương trình.

### **Điều 23. Cách tính điểm trung bình chung**

1. Để tính điểm trung bình chung học tập và điểm trung bình chung tích lũy, mức điểm chữ của mỗi học phần phải được quy đổi qua điểm số theo quy định tại Bảng 3.

2. Điểm trung bình chung học tập và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức sau và được làm tròn đến 2 chữ số thập phân:

$$A = \frac{\sum_{i=1}^n a_i \times n_i}{\sum_{i=1}^n n_i}$$

Trong đó:

$A$  là điểm trung bình chung học tập hoặc điểm trung bình chung tích lũy;

$a_i$  là điểm của học phần thứ  $i$ ;

$n_i$  là số tín chỉ của học phần thứ  $i$ ;

$n$  là tổng số học phần.

Điểm trung bình chung học kỳ để xét học bỗng, khen thưởng sau mỗi học kỳ chỉ tính theo kết quả thi kết thúc học phần ở lần thi thứ nhất. Điểm trung bình chung học tập, điểm trung bình chung tích lũy để xét thôi học, cảnh báo kết quả học tập, xếp hạng học lực sinh viên và xếp hạng tốt nghiệp được tính theo điểm thi kết thúc học phần cao nhất trong các lần thi.

## Chương IV

### XÉT VÀ CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP

#### **Điều 24. Khóa luận tốt nghiệp và môn Lý thuyết tổng hợp**

1. Trước học kỳ cuối khóa, Trường tổ chức đăng ký Khóa luận tốt nghiệp hoặc môn Lý thuyết tổng hợp như sau:

a) Khoa luận tốt nghiệp: áp dụng cho sinh viên đại học đạt mức quy định của Trường;

b) Môn Lý thuyết tổng hợp: áp dụng cho sinh viên không đủ điều kiện làm Khoa luận tốt nghiệp hoặc đủ điều kiện nhưng không đăng ký làm Khoa luận tốt nghiệp.

2. Hàng năm, tùy theo điều kiện của Trường, Hiệu trưởng quy định:

a) Các điều kiện để sinh viên được đăng ký làm Khoa luận tốt nghiệp;

b) Hình thức và thời gian thực hiện Khoa luận tốt nghiệp, môn Lý thuyết tổng hợp;

c) Nhiệm vụ của người hướng dẫn; trách nhiệm của bộ môn đối với sinh viên trong thời gian làm Khoa luận tốt nghiệp.

#### **Điều 25. Đánh giá Khoa luận tốt nghiệp**

1. Hiệu trưởng quy định cách thức đánh giá Khoa luận tốt nghiệp.

2. Điểm của Khoa luận tốt nghiệp chấm theo thang điểm 10 và được tính vào điểm trung bình chung tích lũy của toàn khoá học.

3. Sinh viên bị điểm F của Khoa luận tốt nghiệp phải đăng ký thi môn Lý thuyết tổng hợp ở các kỳ tiếp theo.

#### **Điều 26. Thực hành được khoa**

Tùy theo chương trình đào tạo, Hiệu trưởng quy định nội dung và hình thức thực hiện của học phần Thực hành được khoa.

#### **Điều 27. Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp**

1. Sinh viên được Trường xét và công nhận tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện sau:

- a) Cho đến thời điểm xét tốt nghiệp không bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc không đang trong thời gian bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập;
  - b) Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo được quy định tại Điều 2 của Quy định này;
  - c) Điểm trung bình chung của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên;
  - d) Hoàn thành học phần giáo dục quốc phòng – an ninh và học phần giáo dục thể chất;
- đ) Có chứng chỉ ngoại ngữ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo đạt yêu cầu so với chuẩn đầu ra của Trường.

2. Cuối mỗi năm học, Hội đồng xét tốt nghiệp căn cứ các điều kiện công nhận tốt nghiệp quy định tại Khoản 1 Điều này để lập danh sách những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Hội đồng xét tốt nghiệp Trường do Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng được Hiệu trưởng uỷ quyền làm Chủ tịch, Trưởng phòng Đào tạo làm thư ký, Trưởng phòng Quản lý sinh viên làm ủy viên và các thành viên khác do Hiệu trưởng quyết định.

3. Căn cứ đề nghị của Hội đồng xét tốt nghiệp, Hiệu trưởng ký quyết định công nhận tốt nghiệp cho những sinh viên đủ điều kiện tốt nghiệp.

Sinh viên có kết quả học tập đáp ứng điều kiện quy định tại Điểm a, b, c nhưng chưa đáp ứng được Điểm d, e Khoản 1 Điều này được Trường cấp Giấy chứng nhận hoàn thành khóa học nếu có nhu cầu.

#### **Điều 28. Cấp bằng tốt nghiệp, bảo lưu kết quả học tập, chuyển chương trình đào tạo và chuyển loại hình đào tạo**

1. Bằng tốt nghiệp đại học, cao đẳng được cấp theo ngành đào tạo. Hạng tốt nghiệp được xác định theo điểm trung bình chung của toàn khóa học, như sau:

- a) Loại xuất sắc: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,60 đến 4,00;
- b) Loại giỏi: Điểm trung bình chung tích lũy từ 3,20 đến 3,59;
- c) Loại khá: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,50 đến 3,19;
- d) Loại trung bình: Điểm trung bình chung tích lũy từ 2,00 đến 2,49.

2. Hạng tốt nghiệp của những sinh viên có kết quả học tập toàn khóa loại xuất sắc và giỏi sẽ bị giảm đi một mức, nếu rơi vào một trong các trường hợp sau:

- a) Có khối lượng của các học phần phải thi lại vượt quá 5% so với tổng số tín chỉ quy định cho toàn chương trình;

b) Đã bị kỷ luật từ mức cảnh cáo trở lên trong thời gian học.

3. Kết quả học tập của sinh viên phải được ghi vào bảng điểm theo từng học phần.

4. Nếu kết quả học tập của sinh viên thỏa mãn những quy định tại Khoản 1 Điều 27 của Quy định này thì sinh viên được cấp bằng tốt nghiệp.

5. Sinh viên còn chưa đạt các yêu cầu về giáo dục quốc phòng hoặc giáo dục thể chất để đủ điều kiện tốt nghiệp, trong thời hạn 5 năm tính từ khi hết thời hạn học tập được phép trả nợ học phần này để có đủ điều kiện xét tốt nghiệp.

6. Sinh viên không tốt nghiệp được cấp giấy chứng nhận về các học phần đã học trong chương trình của Trường.

## Chương V

### TỔ CHỨC THỰC HIỆN

**Điều 29. Xử lý kỷ luật đối với sinh viên vi phạm các quy định về thi, kiểm tra**

Sinh viên vi phạm các quy định về học tập sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định về thi cử hiện hành và Quy định công tác sinh viên do Trường ban hành.

**Điều 30. Hiệu lực thi hành**

1. Quy định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành và thay thế các quy định, văn bản liên quan đến quy định đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ đã ban hành trước đây, riêng nội dung quy định điều kiện tốt nghiệp quy định tại Điểm e, Khoản 1, Điều 27 áp dụng cho khóa tuyển sinh từ năm 2018.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu cần sửa đổi, bổ sung để phù hợp với tình hình thực tế, các đơn vị gửi ý kiến về Phòng Đào tạo để tổng hợp, trình Hiệu trưởng xem xét quyết định.

KT. HIỆU TRƯỞNG  
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH, QL, ĐH



Nguyễn Thanh Bình